**BÁO CÁO**

**Tình hình triển khai Dự án thành phần đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc Dự án XDCT đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025**

### *(Kèm theo Báo cáo số …/BC-BQLDA6 ngày 27/03/2025 của Ban QLDA 6)*

**1. Thông tin chung dự án**

* Tên dự án: Dự án thành phần đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025.
* Tổng chiều dài tuyến: 55,34km; chiều dài qua địa bàn tỉnh Hà Tĩnh khoảng 12,9km (huyện Kỳ Anh và TX. Kỳ Anh); chiều dài qua địa bàn tỉnh Quảng Bình khoảng 42,44km (huyện Quảng Trạch, TX. Ba Đồn và huyện Bố Trạch).
* Tổng mức đầu tư: 12.548 tỷ đồng.
* Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án 6.
* Ngày khởi công: 01/01/2023; hoàn thành vào tháng 30/6/2025 (kế hoạch theo hợp đồng: tháng 10 và 12/2025).
* Một số khối lượng thi công chính:
* Phần đường (xử lý nền đất yếu: 5,821km; tổng khối lượng đào: 13,48 triệu m3; tổng khối lượng đắp: 6,95 triệu m3; cống các loại: 406 cái; hầm chui dân sinh: 37 cái; gia cố mái ta luy 24,3km; đường gom 35,59km);
* Nút giao liên thông: 02 nút là: Nút giao với đường Tiến - Châu - Văn Hóa (lý trình khoảng Km597+900) và nút giao với QL12A (lý trình khoảng Km605+780);
* Phần cầu: Gồm 33 cầu/tổng cộng dài 9.061,2m, trong đó: 28 cầu trên tuyến chính/tổng cộng dài 8.645,1m; 05 cầu vượt trực thông/tổng cộng dài 416,1m.
* Phần hầm trên tuyến chính: 01 hầm Đèo Bụt/1.556m (chiều dài nhánh phải là 840m, chiều dài nhánh trái là 716m).

**2. Công tác GPMB và hạ tầng kỹ thuật**

**2.1. Công tác GPMB và bàn giao mặt bằng thi công**

- Các địa phương đã bàn giao mặt bằng cho các nhà thầu thi công được 55,34Km/55,34Km đạt 100%, cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Địa phương** | **Chiều dài tuyến (km)** | **Đã bàn giao cho đơn vị thi công (km)** | **Đạt tỷ lệ %** |
| **I** | **Tỉnh Hà Tĩnh** | **12,9** | **12,9** | **100%** |
| 1 | H. Kỳ Anh | 9,03 | 9,03 | 100% |
| 2 | TX. Kỳ Anh | 3,87 | 3,87 | 100% |
| **II** | **Tỉnh Quảng Bình** | **42,44** | **42,43** | **100%** |
| 1 | H. Quảng Trạch | 24,6 | 24,6 | 100% |
| 2 | TX. Ba Đồn | 9,54 | 9,54 | 100% |
| 3 | H. Bố Trạch | 8,3 | 8,3 | 100% |
| **Cộng** | | **55,34** | **55,33** | **100%** |

**2.2. Xây dựng khu TĐC**

Các địa phương đã hoàn thành 15/15 Khu tái định cư, với diện tích 22,91ha cho 229 hộ dân.

**2.3. Di dời hạ tầng kỹ thuật, công cộng**

- Thị xã Kỳ Anh: đã hoàn thành di dời 02/02 đường nước, 02/02 đường điện trung thế, 02/02 đường điện hạ thế và 02/02 đường điện 500kV

- Huyện Quảng Trạch: đã hoàn thành di dời 01/01 vị trí đường dây 110kV, 03/05 vị trí đường dây 500kV, 10/10 đường dây trung thế và 10/10 đường hạ thế. Hiện đang hoàn thiện thủ tục để cải tạo 02 đường dây 500kV.

- Thị xã Ba Đồn: đã di dời được 2/3 vị trí đường dây trung thế và 2/4 đường dây hạ thế, hiện nhà thầu đang tiếp tục đẩy nhanh di dời các vị trí còn lại.

- Huyện Bố Trạch: đã hoàn thành di dời 4/4 vị trí đường dây trung thế.

**3. Công tác tổ chức thi công**

**a) Công tác lập tiến độ thi công; lập, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công; xây dựng nhà điều hành, phòng thí nghiệm**

- Lập tiến độ thi công: Đã phê duyệt tiến độ thi công tổng thể, chi tiết;

- Công tác lập TKBVTC: Nhà thầu đã có đủ BVTC phạm vi đã và đang triển khai tại hiện trường.

- Xây dựng văn phòng nhà điều hành, phòng thí nghiệm: Các gói thầu đã xây dựng văn phòng Ban điều hành gói thầu. Đã huy động 8/8 phòng thí nghiệm;

**b) Tình hình thi công**

Dự án được chia làm 02 gói thầu xây lắp, gồm:

| **TT** | **Tên Gói thầu** | **Nhà thầu** | **TVGS** | **Hạng mục chính** | **Giá trị HĐ (tỷ đồng)** | **Thời gian thực hiện Hợp đồng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | XL01: Thi công xây dựng đoạn Km568+200 - Km600+700 (bao gồm khảo sát, TKBVTC) | Liên danh Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải - Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam - Công ty CP 484 - Công ty CP Xây lắp 368 - Công ty CP 479 Hòa Bình | Liên danh Công ty CP Tư vấn xây dựng A2Z và Công ty CP Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng-Coninco | + Cầu: 15 cái/3.464,9m;  + Cống: 272 cái;  + Hầm: 01 cái/ nhánh phải 840m, nhánh trái 716m;  + Hầm chui: 19 cái;  + Xử lý đất yếu: 191m;  + Đào: 5,5 triệu m3;  + Đắp: 2,7 triệu m3;  + Móng, mặt đường: 0,62 triệu m2;  + Đường gom: 26,58km. | 4.766  (bao gồm dự phòng) | Từ ngày 22/02/2023 đến ngày 08/12/2025 (1.020 ngày) |
| 2 | XL02: Thi công xây dựng đoạn Km600+700 - Km624+228,79 (bao gồm khảo sát, TKBVTC) | Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng giao thông Phương Thành - Công ty Cổ phần Lizen | Liên danh Tổng công ty TVTK GTVT-CTCP (TEDI) và Công ty CP TVTK GTVT 4 | + Cầu: 18 cái/5.596m;  + Cống: 134 cái;  + Hầm: Không có;  + Hầm chui: 18 cái;  + Xử lý đất yếu: 5.630,25m;  + Đào: 7,98 triệu m3;  + Đắp: 4,25 triệu m3;  + Móng, mặt đường: 1,04 triệu m2;  + Đường gom: 9,01km. | 5.098  (bao gồm dự phòng) | Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 17/10/2025 (1.020 ngày) |

1. **Tình hình huy động trên công trường**

- Hạng mục thi công: Tổng cộng 40 mũi thi công, 568 máy móc thiết bị, 1150 nhân lực.

- Nền đường tuyến chính (số mũi thi công: 22; số máy móc, thiết bị: 306; nhân lực: 629);

- Cầu (số mũi thi công: 16; số máy móc, thiết bị: 200; nhân lực: 421);

- Hầm Đèo Bụt (số mũi thi công: 02; số máy móc, thiết bị: 52; nhân lực: 100).

Đánh giá huy động (máy móc, thiết bị, nhân sự) so với kế hoạch được chấp thuận: Cơ bản đáp ứng.

**d) Khối lượng thi công một số hạng mục chính dự án đã hoàn thành**

- Đào nền đường KTH đổ bãi thải: 1.157.903/1.301.168 m3, đạt 88,99%. Đào nền đường và vận chuyển ra bãi trữ 5.674.974/5.935.613 m3, đạt 95,61% (khối lượng đào hiện tại chủ yếu là đất cấp III, IV và đá cấp IV đào bằng máy, đá nổ mìn sau khi đã tận dụng để đắp nền đường).

- Đắp nền K90 đường gom, đường công vụ, đường ngang 335.835/469.941 m3, đạt 71,46%; Đắp nền K95: 4.994.374/5.250.921 m3, đạt 95,11%; Đắp nền K98: 171.996/216.838 m3, đạt 79,32%;

- Cấp phối đá dăm loại 1, loại 2: 246.981/322.588m3 (39,97/46,45 km), đạt 75,80%; Cấp phối đá dăm gia cố xi măng: 104.823/124.169 m3 (39,47/46,45 km), đạt 84,42%; Hỗn hợp BTN rỗng C25 dày 10cm: 645.766/759.343 m2 (39,07/46,45 km), đạt 84,90%; BTN chặt 19 dày 6cm: 546.800/796.670m2 (34,56/46,45 km): đạt 68,64%; BTN chặt 16 dày 6cm: 547.595/801.571m2, đạt (36,75/54,43km) đạt 36,75.

- Cống thoát nước các loại: 380/406 cống đang tiến hành thi công, đạt 93,60%; Hầm chui dân sinh: 36/36 đang thi công đạt 97,2%; Công trình cầu: 31/33 đang thi công cơ bản hoàn thành, hầm Đèo Bụt: đào hầm 1.544/1556m (trong đó: nhánh trái hầm: 704/716m, nhánh phải: 840/840 m) đạt 99,0%.

**e) Đánh giá tiến độ thi công**

Luỹ kế sản lượng: **7.554,6/8.625,9** tỷ đồng, đạt **87,6%** giá trị xây lắp chậm hơn **4,9%** so với tiến độ dự án, cụ thể:

| **Gói thầu** | | **Tổng hoàn thành** | | **Kế hoạch** | | **Nhanh / Chậm** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên gói thầu | Giá trị XL | Tỷ VNĐ | % XL | Tỷ VNĐ | % XL | Tỷ VNĐ | **(+ / -)%** |
| (1) | (2) | (3)=(2)/(1) | (4) | (5)=(4)/(1) | (6)=(2)-(4) | (7)=(3)-(5) |
| **Gói XL01** | **4.206,6** | **3.707,8** | **88,1%** | **3.984,6** | **94,7%** | **-276,8** | **-6,6%** |
| **1. Nhà thầu Sơn Hải** | **1.371,7** | **1.132,0** | **82,5%** | **1.206,1** | **87,9%** | **-74,1** | **-5,4%** |
| **2. Nhà thầu Vinaconex** | **1.262,0** | **1.145,3** | **90,8%** | **1.249,8** | **99,0%** | **-104,5** | **-8,3%** |
| 2.1 Cty Vinaconex (thầu chính) | 914,3 | 815,3 | 89,2% | 902,1 | 98,7% | **-86,8** | -9,5% |
| 2.2 Cty Vimeco (thầu phụ) | 347,7 | 330,0 | 94,9% | 347,7 | 100,0% | **-17,7** | -5,1% |
| **3. Nhà thầu 484** | **630,0** | **601,0** | **95,4%** | **625,2** | **99,2%** | **-24,2** | **-3,8%** |
| 3.1 Cty 484 (thầu chính) | 563,9 | 539,0 | 95,6% | 559,1 | 99,1% | **-20,1** | -3,6% |
| 3.2 Cty Bình Minh (thầu phụ) | 66,1 | 62,1 | 93,9% | 66,1 | 100,0% | **-4,0** | -6,1% |
| **4. Nhà thầu 368** | **553,4** | **513,1** | **92,7%** | **521,8** | **94,3%** | **-8,7** | **-1,6%** |
| 4.1 Cty 368 (thầu chính) | 461,3 | 423,5 | 91,8% | 430,4 | 93,3% | **-6,8** | -1,5% |
| 4.2 Cty L. Ng. Khang (thầu phụ) | 92,2 | 89,5 | 97,1% | 91,4 | 99,2% | **-1,9** | -2,1% |
| **5. Nhà thầu 479 Hòa Bình** | **389,5** | **316,4** | **81,2%** | **381,7** | **98,0%** | **-65,3** | **-16,8%** |
| **Gói XL02** | **4.419,3** | **3.846,8** | **87,0%** | **3.959,1** | **89,6%** | **-112,4** | **-2,5%** |
| **1. Nhà thầu Phương Thành** | **3.408,4** | **2.924,4** | **85,8%** | **2.981,8** | **87,5%** | **-57,4** | **-1,7%** |
| 1.1 Cty Phương thành (thầu chính) | 3.278,1 | 2.794,7 | 85,3% | 2.851,5 | 87,0% | -56,8 | **-1,7%** |
| 1.2 Cty 368 (thầu phụ) | 130,3 | 129,7 | 99,5% | 130,3 | 100,0% | -0,6 | **-0,5%** |
| **2. Nhà thầu Lizen** | **1.010,9** | **922,4** | **91,2%** | **977,3** | **96,7%** | **-54,9** | **-5,4%** |
| 2.1 Cty Lizen (thầu chính) | 847,2 | 762,8 | 90,0% | 814,1 | 96,1% | -51,3 | **-6,1%** |
| 2.2 Cty ĐMA (thầu phụ) | 163,7 | 159,6 | 97,5% | 163,2 | 99,7% | -3,6 | **-2,2%** |
| **Tổng cộng** | **8.625,9** | **7.554,6** | **87,6%** | **7.943,7** | **92,1%** | **-389,2** | **-4,5%** |

**Lý do chậm tiến độ của một số nhà thầu:**

- Trong thời gian qua, trên bàn tỉnh Hà Tĩnh và tỉnh Quảng Bình thời tiết có mưa nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công, những ngày thời tiết thuận lợi các Nhà thầu đã huy động nhân lực, thiết bị để thi công 03 ca tuy nhiên vẫn chưa bù lại đc tiến độ.

**4) Công tác giải ngân:** - Vốn đã giải ngân năm 2022: 436,27/436,28 tỷ đồng, đạt 100% (GPMB: 267,62/267,63 tỷ đồng, Xây lắp, thiết bị: 66,55/66,55 tỷ đồng, TV+QLDA+khác: 102,1/102,1 tỷ đồng).

- Vốn đã giải ngân năm 2023: 3.731,379/3.731,379 tỷ đồng, đạt 100% (GPMB: 501,097/501,097 tỷ đồng, Xây lắp, thiết bị:3.079,890/3079,890 tỷ đồng, TV+QLDA+khác: 108,200/108,200 tỷ đồng).

- Kế hoạch giải ngân năm 2024: 3.999,016/3.999,016 tỷ đồng, đạt 100% (GPMB: 504,112/504,112 tỷ đồng, Xây lắp, thiết bị: 3.460,963/3.460,963 tỷ đồng, TV+QLDA+khác: 33,941/33,941 tỷ đồng.

- Kế hoạch giải ngân năm 2025 là: 132,985/3.531,122 tỷ đồng, đạt 3,77%. (GPMB: 23,5/108,000 tỷ đồng, Xây lắp, thiết bị: 103,363/3408,122 tỷ đồnTV+QLDA+khác: 6,122/15,0 tỷ đồng).

**5) Mỏ VLXD, bãi đổ thải**

- Về bãi đổ thải:

Nhu cầu đổ thải của Dự án là khoảng 8,3 triệu m3. Tỉnh Hà Tĩnh đã chấp thuận 04 vị trí đổ thải đáp ứng nhu cầu Dự án là khoảng 2,5 triệu m3. Tỉnh Quảng Bình đã chấp thuận 12 vị trí đổ thải đáp ứng nhu cầu Dự án là khoảng 5,9 triệu m3. Như vậy, bãi đổ thải cơ bản đáp ứng nhu cầu Dự án.

- Về mỏ VLXD:

+ Vật liệu đá: các mỏ đá có chất lượng, công suất đảm bảo nhu cầu của Dự án.

+ Vật liệu cát: Nhu cầu của dự án khoảng 750.000 m3, sử dụng cát từ 10 mỏ có tổng công suất khai thác 107.000 m3/năm, 01 mỏ cát được cấp phép có công suất khai thác 250.000m3/năm đáp ứng nhu cầu Dự án.

+ Vật liệu đất: Nhu cầu dự án khoảng 8.900.000 m3. Dự án điều phối nội bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu (còn dư khoảng 8.320.000 m3).

**6. Tình hình thực hiện cụ thể từng gói thầu**

**6.1. Gói thầu xây lắp XL01**

-Hạng mục thi công: Tổng cộng 30 mũi thi công, 344 máy móc thiết bị, 620 nhân lực.

* Nền đường tuyến chính (số mũi thi công: 17; số máy móc, thiết bị: 184; nhân lực: 289);
* Cầu (số mũi thi công: 11; số máy móc, thiết bị: 108; nhân lực: 231);
* Hầm Đèo Bụt (số mũi thi công: 02; số máy móc, thiết bị: 52; nhân lực: 100).

Đánh giá huy động so với kế hoạch được chấp thuận: Cơ bản đáp ứng.

* Khối lượng thi công một số hạng mục chính:

+ Phần đường: Đào nền đường: 5.616.327/5.741.828 m3, đạt 97,81%. Trong đó Đào vận chuyển bãi thải: 464.836/495.258m3, đạt 93,86%; Đào, vận chuyển bãi trữ: 2.112.789/2.126.311 m3, đạt 99,36%. Đắp nền đường: 2.629.210/2.980.073 m3, đạt 88,23%, trong đó các hạng mục chính: nền đường K90: 249.237/310.624 m3, đạt 80,24%; nền đường K95: 2.075.867/2.329.834 m3, đạt 89,10%; nền đường K98: 102.401/128.870 m3, đạt 79,46%; VL dạng hạt: 201.706/210.744 m3, đạt 95,71%;

+ Cấp phối đá dăm loại 1, loại 2: 175.032/213.620 m3 (26,787/28,7 km), đạt 81,94%; Cấp phối đá dăm gia cố xi măng: 74.577/74.577 m3 (26,787/28,7 km), đạt 99,62%; Hỗn hợp BTN rỗng C25 dày 10cm: 447.776/457.433 m2 (26,387/28,7 km), đạt 97,89%; BTN chặt 19 dày 6cm: 356.169/478.444m2 (21,89/28,7 km), đạt 74,44%; BTN chặt 16 dày 6cm: 361.683/479.656 m2, đạt (22,227/30,9km) đạt 75,40%.

+ ATGT: Lan can tôn lượn sóng loại 2 sóng: 41.771/52.249md, đạt 79,95%; Lan can tôn lượn sóng loại 3 sóng: 10.083/14.700 md, đạt 68,59%; Hàng rào bảo vệ loại 1: 22.475/28.520 md, đạt 78,80%; Hàng rào bảo vệ loại 2 (hàng rào lưới thép gai): 37.628/38.875 md, đạt 96,79%.

+ Phần cống, HCDS: đã và đang thi công: 270/272 cống; Hầm chui dân sinh đã hoàn thành 19/19 HCDS.

+ Phần cầu: Đã và đang thi công 15/15 cầu trong đó Cọc khoan nhồi: 669/669 cọc, đạt 100%; Sản xuất dầm Super T: 438/457 dầm, đạt 95,84%; Hoàn thành sản xuất dầm I: 55/55 dầm; Dầm bản lắp ghép 24m: 68/68; Dầm bản rỗng : 105/105 phiến đạt 100%.

+ Hầm Đèo Bụt: Gia cố mái: 8.228/15.483m2 đạt 53,1%, Đào hầm: 1.544/1556m (trong đó: nhánh trái hầm: 704/716m, nhánh phải: 840/840 m) đạt 99,0%; Đào đất, đá cửa hầm 521.448/577.504m3 đạt 90,29%; Neo đá, neo dẫn trước 53.924/56.833 bộ đạt 94,88%; Cọc khoan nhồi tường chắn cửa Nam: 28/117 cọc, đạt 23,9%; BT dầm mũ, dầm neo, dầm chân 30MPa: 320/1803 m3 đạt 17,75%; Bê tông phun: 65.940/65.940m2 đạt 100%, Lưới thép: 94.432/94.623m2 đạt 99,80%; Khung chống đỡ bằng thép 2.242/2.277 tấn đạt 98,44%.

+ Kế hoạch thực hiện một số hạng mục còn lại:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hạng mục** | **Đơn vị** | **Khối lượng còn lại** | **Kế hoạch hoàn thành** |
| **I** | **Tuyến chính** |  |  |  |
| 1 | Bê tông nhựa chặt 16 dày 6cm | md | 6.119 | 11/04/2025 |
| 2 | Bê tông nhựa chặt 19 dày 6cm | md | 5.756 | 10/04/2025 |
| 3 | Hỗn hợp nhựa bán rỗng 25 dày 10cm | md | 814 | 09/04/2025 |
| 4 | Cấp phối đá dăm gia cố xi măng | md | 0 | 26/03/2025 |
| 5 | Cấp phối đá dăm loại 1 | md | 0 | 25/03/2025 |
| **II** | **Tuyến nhánh nút giao** |  |  |  |
| 1 | Bê tông nhựa chặt 16 dày 6cm | md | 2.540 | 11/04/2025 |
| 2 | Bê tông nhựa chặt 19 dày 6cm | md | 2.540 | 09/04/2025 |
| 3 | Cấp phối đá dăm loại 1 | md | 2.540 | 06/04/2025 |
| 4 | Cấp phối đá dăm loại 2 | md | 2.540 | 03/04/2025 |
| **III** | **Hệ thống an toàn giao thông** |  |  |  |
| 1 | Lắp đặt dải phân cách giữa | md | 7.470 | 20/04/2025 |
| 2 | Lưới chống chói | md | 9.670 | 25/04/2025 |
| 3 | Hàng rào bảo vệ loại 1 (hàng rào B40) | md | 9.037 | 20/04/2025 |
| 4 | Hàng rào bảo vệ loại 2 (hàng rào lưới thép gai) | md | 7.775 | 20/04/2025 |
| 5 | Tôn hộ lan | md | 6.399 | 20/04/2025 |
| 6 | Lắp đặt giá long môn, CCV | cái | 3 | 25/04/2025 |
| 7 | Biển báo chỉ dẫn | cái | 144 | 25/04/2025 |

- Công tác giải ngân: Giá trị khối lượng hoàn thành: 3.707,8 tỷ đồng; Lũy kế giá trị thực hiện đã giải ngân đến nay: tỷ đồng: 3.301,783 tỷ đồng.

**6.2. Gói thầu xây lắp XL02**

-Hạng mục thi công: Tổng cộng 10 mũi thi công, 224 máy móc thiết bị, 530 nhân lực.

* Nền đường tuyến chính, hầm chui dân sinh, cống các loại (số mũi thi công: 5; số máy móc, thiết bị: 122; nhân lực: 340);
* Cầu (số mũi thi công: 5; số máy móc, thiết bị: 92; nhân lực: 190);

- Đánh giá huy động so với kế hoạch được chấp thuận: Cơ bản đáp ứng.

* Khối lượng thi công một số hạng mục chính:

+ Phần đường: Đào nền đường: 8.189.361/ 8.285.452m3, đạt 98,84% trong đó: Đào và vận chuyển ra bãi thải: 693.067/805.910 m3, đạt 86,0%; Đào, vận chuyển bãi trữ: 3.562.185/3.809.302, đạt 93,51%. Đắp nền đường: 3.426.101/ 3.486.239 m3, đạt 98,27% trong đó các hạng mục chính: nền đường K90: 86.598/153.938 m3, đạt 56,26%; nền đường K95: 2.918.507/2.921.087 m3, đạt 99,91%; nền đường K98: 69.595/87.968m 3, đạt 79,51%; Đắp vật liệu dạng hạt thoát nước K98 tuyến chính: 178.455/138.843 m3, đạt 128,5%; Trụ đất gia cố xi măng D800: 606.382/481.834 md, đạt 125,8%.

+ Cấp phối đá dăm loại 1: 71.949/108.968m3 (13,18/17,75 km) đạt 66,03%; Cấp phối đá dăm gia cố xi măng: 30.246/48.691 m3 (12,68/17,75 km), đạt 62,12%. Hỗn hợp BTN rỗng C25 dày 10cm: 197.990/301.910 m2 (12,68/17,75 km) đạt 65,58%; BTN chặt 19 dày 6cm: 190.631/318.226m2 (12,67/17,75 km), đạt 59,9%); BTN chặt 16 dày 6cm: 185.912/321.915 m2, đạt (14,52/23,53km) đạt 57,75%.

+ ATGT: Lan can tôn lượn sóng: 9.660/34.939md, đạt 27,65%; Hàng rào bảo vệ: 10.247/38.307md, đạt 26,75%.

+ Phần cống, HCDS: Hoàn thành 112/134 cống các loại đạt 83,58% (Cống trên tuyến chính cơ bản hoàn thành); Hầm chui dân sinh đã/đang thi công: 17/17 cái, đạt 100%.

+ Phần cầu: Đang và đang thi công 18/18 cầu, trong đó CKN: 1865/1865 CKN; Công tác sản xuất dầm đạt 100%;

+ Kế hoạch thực hiện một số hạng mục còn lại:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hạng mục** | **Đơn vị** | **Khối lượng còn lại** | **Kế hoạch hoàn thành** |
| **I** | **Tuyến chính** |  |  |  |
| 1 | Bê tông nhựa chặt 16 dày 6cm | md | 9,01 | 10-06-25 |
| 2 | Bê tông nhựa chặt 19 dày 6cm | md | 5,08 | 09-06-25 |
| 3 | Hỗn hợp nhựa bán rỗng 25 | md | 4,48 | 08-06-25 |
| 4 | Cấp phối đá dăm gia cố xi măng | md | 4,27 | 25-05-25 |
| 4 | Cấp phối đá dăm loại 1 | md | 4,17 | 23-05-25 |
| **II** | **Tuyến nhánh nút giao** |  |  |  |
| 1 | Bê tông nhựa chặt 16 dày 6cm | md | 3,08 | 15-05-25 |
| 2 | Bê tông nhựa chặt 19 dày 6cm | md | 3,08 | 14-05-25 |
| 3 | Cấp phối đá dăm loại 1 | md | 2,51 | 12-05-25 |
| 4 | Cấp phối đá dăm loại 2 | md | 2,2 | 10-05-25 |
| **III** | **Hệ thống ATGT** |  |  |  |
| 1 | Dải phân cách giữa | md | 17.930,00 | 15-06-25 |
| 2 | Lưới chống chói | md | 18.050,00 | 17-06-25 |
| 3 | Hàng rào bảo vệ | md | 24.534,00 | 30-05-25 |
| 4 | Tôn hộ lan | md | 17.791,00 | 15-06-25 |
| 5 | Biển cột cần vươn, giá long môn | cái | 15,00 | 30-05-25 |
| 6 | Biển báo nhỏ | cái | 180,00 | 30-05-25 |
|  |  |  |  |  |

- Công tác giải ngân: Giá trị khối lượng hoàn thành: 3.846,8 tỷ đồng; Lũy kế giá trị đã giải ngân đến nay: tỷ đồng: 3.410,139 tỷ đồng.

**7. Đánh giá công tác quản lý chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường cho từng gói thầu và cả dự án (nhà thầu nào chậm, lý do, giải pháp khắc phục):**Đáp ứng yêu cầu.

**8. Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị:**

Kính đề nghị Bộ Xây dựng, UBND tỉnh Quảng Bình chỉ đạo các cấp các ngành cùng các địa phương quan tâm giải quyết các tồn tại vướng mắc để bàn giao mặt bằng trong tháng 4/2025 cụ thể:

- Huyện Quảng Trạch:

9 hộ còn vướng ảnh hưởng thi công hàng rào bảo vệ, đường gom và đường vuốt nối hầm chui*.*

Vướng 02 đường dây điện 500kV tại đường dẫn đầu cầu vượt ngang số 1 km583+00.

- Thị xã Ba Đồn:

- Km609+500-Km609+600; Km609+900-Km610+00 xã Quảng Hoà chưa hoàn thành công tác GPMB cho 26 hộ phạm vi bổ sung mở rộng bệ phản áp.

Ban QLDA 6 xin trân trọng cảm ơn.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN 6** |